DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-ĐHĐCĐ	*Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2025 – 2026

(V/v Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Luật Doanh nghiệp**");*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Luật Chứng khoán**");*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 ("**Nghị định 155**");*
- *Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155 ("**Thông tư 116**");*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("**Điều lệ**");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2025 - 2026 số .../2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày ……/……/2026 của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai, giám sát và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:
- HĐQT, BTGĐ;
- Lưu: TKCT.

ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

PHỤ LỤC: BẢNG ĐỀ XUẤT NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Nghị quyết số …… ngày .../.../2026 v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Phụ lục chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung)

Ghi chú:

- Các Điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Nội dung tại văn bản hiện hành" là các nội dung được in nghiêng, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại mục "Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung" là nội dung được in đậm, gạch chân.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
1.	**Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu** *6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo*	**Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu** **Bỏ khoản 6 Điều 6**	Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	Theo quy định pháp luật không có khái niệm chứng nhận cổ phiếu vô danh nên cần bỏ khoản này.
2.	**Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý** Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc.	**Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý** Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị. **Hội đồng quản trị có Ủy ban kiểm toán và các Ủy ban, đơn vị khác** trực thuộc Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc.		Bổ sung các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị vào cơ cấu tổ chức quản lý để phù hợp với mô hình quản trị hiện tại của Công ty.
3.	**Điều 11.Quyền của cổ đông**	**Điều 11.Quyền của cổ đông**	Điểm a khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.	Sửa đổi để phù hợp với quy định của điểm b, khoản 1 Điều 37 Điều lệ

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty, được xác định theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, **báo cáo của Ủy ban kiểm toán**, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty, được xác định theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành	Điểm b, khoản 1 Điều 37 Điều lệ.	
4.	**Điều 12.Nghĩa vụ của cổ đông** 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác *theo quy định trong Điều lệ công ty*.	**Điều 12.Nghĩa vụ của cổ đông** 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: **e. Bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định vào từng thời điểm hoặc** gửi ý kiến biểu quyết bằng phương tiện khác **phù hợp quy định pháp luật**.	Điểm đ, khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.	Điều chỉnh để phù hợp với các thể thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông thực hiện quyền cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ.
5.	**Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông** 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Các hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có	**Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông** 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Các hợp đồng quy định tại **điểm j**, khoản 3 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc		Điều chỉnh thuộc về kỹ thuật trình bày dẫn chiếu.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật. c. Cổ đông có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch theo điểm b, khoản 9 Điều 35 Điều lệ.	người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua **lại** cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật. c. Cổ đông có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch theo điểm b, khoản 9 Điều 35 Điều lệ.		
6.	**Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, *địa chỉ thường trú*, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc *số quyết định thành lập*, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ	**Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, **địa chỉ liên lạc**, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc **số giấy tờ pháp lý của tổ chức**, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;	Điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.	Chỉnh sửa về thuật ngữ pháp lý để thống nhất với Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó sở hữu, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	số lượng và loại cổ phần cổ đông đó sở hữu, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.		
7.	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** Chưa có	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** **Bổ sung khoản 1** **1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập và tổ chức theo quy định của pháp luật và Điều lệ này để các cổ đông tham dự trực tiếp tại một địa điểm hoặc tham dự trực tuyến thông qua phương tiện điện tử hoặc kết hợp cả hai hình thức, nhằm thảo luận, biểu quyết và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.**	Khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020. Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.	Bổ sung quy định về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để rõ về thể thức tiến hành họp có thể bao gồm trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến.
8.	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** 1. Trước khi khai mạc cuộc họp**,** Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông *và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết*.	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** **Điều chỉnh số thứ tự khoản từ 1 thành 2 và điều chỉnh nội dung khoản này thành:** 2. Trước khi khai mạc cuộc họp **Đại hội đồng cổ đông,** Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông **tham dự cuộc họp**.	Khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.	Điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với các hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
9.	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** 8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm nhưng không giới hạn ở: b.Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại *các* địa điểm họp;	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** **Điều chỉnh số thứ tự khoản từ 8 thành 9 và điều chỉnh nội dung khoản này thành:** 9. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm nhưng không giới hạn ở: b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm **họp trực tiếp**;	Khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020.	Điều chỉnh về từ ngữ để đảm bảo tính chuẩn xác do địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có thể là một địa điểm.
10.	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** 10. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) thông qua hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật.	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** **Điều chỉnh số thứ tự khoản từ 10 thành 11 và điều chỉnh nội dung khoản này thành:** 11. Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) thông qua hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quyết định của Hội đồng quản trị **hoặc Người triệu tập cuộc họp**. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử	Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.	Bổ sung vì một số chủ thể khác cũng có thể triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật.		
11.	**Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** 3.Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.	**Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** 3.Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% **tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.	Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.	Chỉnh sửa về thuật ngữ pháp lý để thống nhất với Luật Doanh nghiệp 2020.
12.	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2.Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2.Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: **a.** Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; **thực hiện giám sát, đánh giá việc triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển và các mục tiêu trọng yếu của Công ty, nội dung chi tiết về việc giám sát và đánh giá được quy định cụ thể trong quy chế giám sát của Hội đồng quản trị do**	Nguyên tắc 1.2.2 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam ("VNCG Code 2026").	Bổ sung theo khuyến nghị của VNCG Code 2026 về việc Hội đồng quản trị cần phải thể chế hóa quy trình xem xét, theo dõi, giám sát việc thực hiện chiến lược của Công ty.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<u>Hội đồng quản trị ban hành vào từng thời điểm;</u>		
13.	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty; **<u>quyết định việc phát hành trái phiếu ra công chúng (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền) bao gồm nhưng không giới hạn phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, quyết định việc đăng ký, lưu ký, niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán, phê duyệt hồ sơ và thực hiện các thủ tục liên quan khác theo quy định pháp luật;</u>**	Khoản 3 Điều 20 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán. Điểm (i) Khoản 2 Điều 25 Điều lệ.	Điều chỉnh để minh thị thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc quyết định chào bán trái phiếu ra công chúng.
14.	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2.Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2.Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, h khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý, Người điều hành tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	k.Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc *và người quản lý khác* trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;	k.Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc **và Người điều hành khác** trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;		
15.	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: l. *Quyết định* cơ cấu tổ chức, chính sách, *quy định,* quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ các *quy chế* thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; *quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Công ty liên quan đến công ty con, công ty liên kết, chi nhánh, văn phòng đại diện, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thành lập và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;*	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: **Tách nội dung điểm này thành 2 điểm (l) và (m), đồng thời bổ sung, điều chỉnh như sau:** l. **Thiết lập, ban hành và sửa đổi khung quản trị của Công ty, bao gồm** cơ cấu tổ chức, chính sách, quy chế quản lý nội bộ của Công ty **và các vấn đề, nội dung về quản trị khác**, trừ các **vấn đề** thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; m. Quyết định **thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác,** trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; **thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty con, công ty liên kết và các pháp nhân khác thuộc Nhóm công ty theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ này, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ của pháp nhân có liên**		Bổ sung các quy định về phân định thẩm quyền, trách nhiệm HĐQT nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		quan và các thỏa thuận hợp pháp giữa các bên;		
16.	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: Chưa có quy định	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: **Bổ sung nội dung mới và đánh số thứ tự là điểm (v)** **v. Giám sát việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tuân thủ và quản trị phát triển bền vững của Công ty trong từng thời kỳ;**		Bổ sung quy định về giám sát hệ thống rủi ro, phát triển bền vững tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.
17.	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 5. *Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.* Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao *công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày*. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** **Gộp chung các khoản 5, 6, 7, 8 thành khoản 5** 5. **Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:** a. **Thành viên Hội đồng quản trị được Công ty chi trả thù lao phù hợp với quy đinh pháp luật, Điều lệ Công ty, chính sách chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành vào từng thời điểm**. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành	Mục C.3.1; C.3.2; C.3.3 Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN version 2, 2024 ("ACGS 2024"). Nguyên tắc 4.5 VNCG Code 2026.	Bổ sung theo tham khảo khuyến nghị tại ACGS 2024 và VNCG Code 2026. Gộp chung các khoản 5, 6, 7, 8 cùng trình bày về thù lao của Hội đồng quản trị để đảm bảo kỹ thuật trình bày rõ ràng.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 7. *Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.* 8.Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. b. **Chính sách chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc:** **(i) Thù lao thành viên Hội đồng quản trị được xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm, phạm vi công việc, trách nhiệm thực thi, đóng góp và cam kết thời gian của mỗi thành viên Hội đồng quản trị.** **(ii) Đối với Thành viên Hội đồng quản trị điều hành, ngoài thù lao, còn được Công ty chi trả thưởng, phúc lợi và các lợi ích khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty.** **(iii) Đối với thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị, cơ cấu thù lao phải bảo đảm tính khách quan, độc lập trong việc thực hiện chức năng quản trị, giám sát và bảo vệ lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.** **(iv) Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội**		

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao theo quyết định của Hội đồng quản trị. c. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. **Các chi phí này không được xem là thù lao, thưởng hoặc lợi ích khác mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng.**		
18.	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 9. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ, *Quy chế này*, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, *Phó Tổng Giám đốc và Người quản lý khác* cung	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** **Thay đổi số thứ tự của khoản này từ khoản 9 thành khoản 6, do gộp một số khoản phía trên của điều này lại thành một khoản.** 6. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty,	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, h khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý, Người điều hành tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có). Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định.	Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc **và Người điều hành khác** cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có). Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định.		
19.	**Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị** 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và *báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông* tại Đại hội đồng cổ đông.	Bỏ khoản 5 này.	Điều 156 Luật Doanh nghiệp Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.	Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu không quy định trách nhiệm này của Chủ tịch Hội đồng quản trị nên đề xuất bỏ để phù hợp quy định pháp luật.
20.	**Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	**Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 2. **Tổng số cuộc họp của Hội đồng quản trị trong một năm ít nhất là 06 lần. Trong đó,** Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. **Kế hoạch, lịch họp định kỳ hàng năm được Hội đồng quản**	Nguyên tắc 1.4.4 VNCG Code 2026.	Bổ sung theo khuyến nghị thông lệ tốt VNCG Code 2026.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<u>trị lập trước khi bắt đầu năm tài chính.</u>		
21.	**Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 15. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên của mỗi Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị ban hành quy chế tổ chức và hoạt động để quy định chi tiết về việc thành lập Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban, cơ cấu tổ chức, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, cách thức ra quyết định, thù lao, đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.	**Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 15. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên của mỗi Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị ban hành quy chế tổ chức và hoạt động để quy định chi tiết về việc thành lập Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban, cơ cấu tổ chức, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, cách thức ra quyết định, thù lao, đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. **<u>Hội đồng quản trị quy định các nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị , Tổng giám đốc và Người điều hành khác.</u>**		Bổ sung nội dung làm cơ sở để Hội đồng quản trị ban hành các nguyên tắc, quy trình phối hợp giữa Hội đồng quản trị - Các ủy ban – Tổng giám đốc, Ban điều hành đảm bảo sự phối hợp hiệu quả trong Công ty.
22.	**Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** Chưa có quy định	**<u>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</u>** **Bổ sung khoản 17 vào điều này**	Nguyên tắc 1.4.4 VNCG Code 2026.	Bổ sung theo khuyến nghị thông lệ tốt VNCG Code 2026.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		17. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cần họp tối thiểu hai lần mỗi năm mà không có sự hiện diện của các thành viên Hội đồng quản trị điều hành. **Cuộc họp riêng này là cơ chế trao đổi và thảo luận độc lập của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không được xem là cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, không được tính vào số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu phải tổ chức trong năm. Trình tự, thủ tục tổ chức các cuộc họp này do Hội đồng quản trị quy định.**		
23.	**Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc** 5. *Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông*. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo *các cơ quan này* khi được yêu cầu.	**Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc** 5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, và phải báo cáo **lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông** khi được yêu cầu.		Chỉnh sửa về từ ngữ để đảm bảo nghĩa của câu được trọn vẹn.
24.	**Điều 33. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty** 4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật .	**Điều 33. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty** 4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau		Bổ sung quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty còn tuân thủ theo quyết đinh của HĐQT tạo cơ sở pháp lý để triển khai

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật **và quyết định của Hội đồng quản trị.**		thống nhất mô hình quản trị của Công ty.
25.	**Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng** Thành viên Hội đồng quản trị, *Tổng giám đốc và Người quản lý khác* có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	**Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng** Thành viên Hội đồng quản trị, **và Người điều hành** có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, h khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý, Người điều hành tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
26.	**Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, *Tổng giám đốc và người quản lý khác* phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	**Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, **và Người điều hành** phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, h khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý, Người điều hành tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
27.	**Điều 50. Gia hạn hoạt động** 2. Thời hạn hoạt động của Công ty được thay đổi khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành hoặc khi có số cổ đông đại diện *từ 50% trở lên*	**Điều 50. Gia hạn hoạt động** 2. Thời hạn hoạt động của Công ty được thay đổi khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành hoặc khi có số cổ đông đại diện **trên 50%** tổng số	Khoản 4, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 4 Điều 20 Điều lệ.	Điều chỉnh phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.		
28.	**Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ** 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc thỏa thuận, giữa: a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, *Tổng giám đốc hay Người quản lý khác.*	**Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ** 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc thỏa thuận, giữa: a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, **và Người điều hành.**	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, h khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý, Người điều hành tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
29.	**Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con** 1. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con, công ty liên kết Chưa có quy định	**Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con** 1. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con, công ty liên kết **e. Công ty thực hiện vai trò định hướng, giám sát đối với hệ thống công ty con, công ty liên kết thuộc phạm vi, quyền lợi và trách nhiệm của Công ty với tư cách công ty mẹ, chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông, trên cơ sở quy định pháp luật, điều lệ của các pháp nhân có liên quan và các thỏa thuận hợp pháp giữa các bên. Việc**		Bổ sung nguyên tắc về vai trò của Công ty trong Nhóm công ty, nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<u>định hướng, giám sát không làm thay đổi hoặc thay thế thẩm quyền quản trị, quản lý và điều hành của từng pháp nhân theo quy định pháp luật và Điều lệ của pháp nhân đó.</u>		
30.	**Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con** Chưa có quy định	**Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con** **Bổ sung khoản 5** **<u>5. Báo cáo và giải trình</u>** **<u>Công ty định hướng việc thiết lập khung báo cáo quản trị áp dụng cho Nhóm công ty, công ty con, công ty liên kết.</u>**		Bổ sung, hoàn thiện các nguyên tắc và cơ chế phối hợp báo cáo nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.